|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG TRỊ**Số: /TTr-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng Trị, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

# TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi thực hiện**

**Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”**

**trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Uỷ ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

- Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

- Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

- Khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “*Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ*”.

- Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: Tại Khoản 3 Điều 6: *Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương.* Tại Khoản 4 Điều 6: *Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn lực ngân sách địa phương.*

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

- Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Việc tiếp tục xây dựng xã hội học tập dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo; vận dụng các hình thức giáo dục, đào tạo tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu giáo dục.

- Mặt khác, việc ứng dụng công nghệ số và dạy học trực tuyến trong tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Mọi công dân có trách nhiệm và quyền lợi được học tập thường xuyên, học suốt đời, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công dân số, công dân học tập toàn cầu.

- Duy trì và phát huy truyền thống hiếu học của gia đình, dòng họ và cộng đồng; xây dựng môi trường học tập suốt đời tại nơi làm việc đáp ứng các yêu cầu về năng suất, hiệu quả, chuẩn mực đạo đức và tác phong văn hóa nghề nghiệp.

- Thống nhất về nội dung, mức chi thực hiện Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu tại Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Từ các căn cứ pháp lý và thực tiễn trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Quảng trị là hết sức cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Nghị quyết ban hành tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong việc lập dự toán sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ liên quan đến Đề án để tổ chức triển khai trên địa bàn tỉnh.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết phải đảm bảo công khai, minh bạch; đúng trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phải căn cứ theo quy định của Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tuớng Chính phủ phê duyệt Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” và các quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ các văn bản pháp lý có liên quan và tình hình thực tế của địa phương để xây dựng dự thảo Nghị quyết với trình tự các bước như sau:

- Sở GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 290/KH-SGDĐT ngày 06/02/2024 về việc xây dựng Nghị quyết về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 70/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2024 về việc thành lập Ban soạn thảo xây dựng Nghị quyết.

- Xây dựng tờ trình tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Soạn thảo Dự thảo xây dựng Nghị quyết về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan.

- Đăng tải toàn bộ nội dung các dự thảo lên Chuyên mục: “*Lấy ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật*” trên Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

- Báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào dự thảo Nghị quyết về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Sở Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Bố cục:** Dự thảo nghị quyết gồm 04 điều và Quy định kèm theo Nghị quyết, cụ thể:

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

**Điều 2.** Nội dung chi và mức chi.

**Điều 3.** Nguồn kinh phí thực hiện.

**Điều 4**. Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản:** Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/ 2021 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung, mức chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và kinh phí hỗ trợ thực hiện công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2. Nội dung và mức chi**

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định mức chi đối với công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

2. Chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi tối đa****(vnđ)** | **Cơ sở để chi** | **Ghi chú** |
| **1** | ***Tại cấp tỉnh*** |  |  |  |  |
|  | - Thuê rạp, maket, băng rôn, khẩu hiệu loa máy | Đồng/đợt/năm | 30.000.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Sách tặng các đơn vị cấp huyện trong Lễ Khai mạc | Đồng/đơn vị/năm | 3.500.000 | Theo thực tế | (Tối đa 03 đơn vị/năm) |
|  | - Hoa tặng các đơn vị cấp huyện trong Lễ Khai mạc  | Đồng/đơn vị/năm | 300.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Quà tặng người học | Đồng/suất/năm | 500.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Nước uống trong Lễ Khai mạc | Đồng/người/buổi | 20.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Văn nghệ | Đồng/người/ngày | 250.000 | Theo thực tế |  (Tối đa 5.000.000đ/Chương trình) |
|  | - Ban Chỉ đạo  | Đồng/người/ngày | 200.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Tổ giúp việc  | Đồng/người/ngày | 150.000 | Theo thực tế |  |
| **2** | ***Tại cấp huyện*** |  |  |  |  |
|  | - Thuê rạp, maket, băng rôn, khẩu hiệu loa máy | Đồng/đợt/năm | 25.000.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Sách tặng đơn vị cấp xã trong Lễ Khai mạc | Đồng/đơn vị/năm | 2.000.000 | Theo thực tế | (Tối đa 05 đơn vị/năm) |
|  | - Hoa tặng các đơn vị cấp xã trong Lễ Khai mạc  | Đồng/đơn vị/năm | 300.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Quà tặng người học | Đồng/suất/năm | 500.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Nước uống trong Lễ Khai mạc | Đồng/người/buổi | 20.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Văn nghệ | Đồng/người/ngày | 200.000 | Theo thực tế |  (Tối đa 3.000.000đ/Chương trình) |
|  | - Ban chỉ đạo | Đồng /người/ngày | 150.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Tổ giúp việc  | Đồng/người/ngày | 100.000 | Theo thực tế |  |
| **3** | ***Tại cấp xã*** |  |  |  |  |
|  | - Thuê rạp, maket, băng rôn, khẩu hiệu loa máy | Đồng/đợt/năm | 10.000.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Hoa tặng các cơ sở giáo dục trong Lễ Khai mạc  | Đồng/đơn vị/năm | 300.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Quà tặng người học | Đồng/suất/năm | 500.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Nước uống trong Lễ Khai mạc | Đồng/người/buổi | 20.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Văn nghệ | Đồng/người/ngày | 200.000 | Theo thực tế | (Tối đa 2.000.000đ/Chương trình) |
|  | - Ban chỉ đạo | Đồng/người/ngày | 100.000 | Theo thực tế |  |
|  | - Tổ giúp việc | Đồng/người/ngày | 50.000 | Theo thực tế |  |

3. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp ở địa phương: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; chi bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); chi đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

5. Chi kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Chi điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo, đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện mức chi bằng 80% theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

6. Chi tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; chi hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi tối đa****(vnđ)** | **Cơ sở để chi** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm | Đồng/Trung tâm/tháng | 150.000 | Theo thực tế thời gian diễn ra trong lớp học |  |
| 2 | Tiền tài liệu tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng | Đồng/Trung tâm | 50.000.000 | Theo thực tế | Cả giai đoạn 2021 - 2030 |

7. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi tối đa****(vnđ)** | **Cơ sở để chi** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cấp tỉnh, huyên, xã | Đồng/tỉnh/năm | 10.000.000 |  | - Cấp huyện: 70 % của cấp tỉnh- Cấp xã: 50 % của cấp tỉnh |
| 2 | Tiền công thực hiện điều tra thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Đồng/người/ngày | 200.000 | Ngày làm việc thực tế không quá 07 ngày/đợt/năm |  |
| 3 | In phiếu điều tra thống kê phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | Đồng/phiếu/năm | 1000 | Theo thực tế |  |
| 4 | Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê xóa mù chữ và phổ cập giáo dục | Đồng/người/đợt điều tra | 150.000 | Theo thực tế | Mỗi năm điều tra 01 đợt |
| 5 | Hỗ trợ đèn dầu, thắp sáng ban đêm cho các lớp học xóa mù chữ ban đêm  | Đồng/buổi/lớp | 150.000 | Trong thời gian thực tế diễn ra buổi học |  |
| 6 | Hỗ trợ mua sổ sách theo dõi quá trình học tập mỗi lớp học: |  |  |  |  |
|  | - Học bạ học viên | Đồng/Cuốn  | 20.000 | Theo thực tế học viên |  |
|  | - Sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục | Đồng/Cuốn | 30.000 | Theo thực tế lớp học |  |
|  | - Sổ chủ nhiệm | Đồng/Cuốn | 20. 000 | Theo thực tế lớp học |  |
| 7 | Mua sách giáo khoa dùng chung và các học phẩm cho lớp học  | Đồng/lớp/kỳ học | 1.000.000 | Theo thực tế lớp học |  |
| 8 | Hỗ trợ cho người tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ | 01 đối tượng đến lớp và hoàn thành chương trình học | 120.000 | Chi cho người tham gia tuyên truyền viên (nếu có) |  |
| 9 | Hỗ trợ cho người dân (không phải là người dân tộc thiểu số) tham gia học và hoàn thành chương trình học xóa mù chữ | Người  | 1.000.000 |  |  |
| 10 | Hỗ trợ tiền nước uống, sinh hoạt | Người/giai đoạn | 100.000 |  |  |
| 11 | Chi hỗ trợ người dạy xóa mù chữ |  |  |  |  |
| *a* | *Chi tiền lương đối với giáo viên biên chế dạy các lớp học xóa mù, chống tái mù chữ thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập* |  |  | Chi trả theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. |  |
| *b* | *Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ* *(bao gồm giáo viên thuộc biên chế của các cơ sở giáo dục công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy)* |  |  | Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. |  |
| 12 | Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ người thực hiện công tác xóa mù chữ |  |  | Theo Quy định Mức chi kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị. |  |
| 13 | Chi khen thưởng  |  |  | Theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng |  |

8. Chi khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

9. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án theo nhiệm vụ được giao cho cơ quan đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối của địa phương. Hàng năm các cơ quan đơn vị, địa phương tổng hợp trình các cấp bố trí thực hiện.

2. Nguồn kinh phí huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy định khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**V. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA**

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị thông qua Nghị quyết tại Kỳ họp thứ …., Khóa ….. (dự kiến tháng 7 năm 2024).

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án ‘‘Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban Nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

*Hồ sơ gửi kèm:*

*1. Dự thảo Nghị quyết;*

*2. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;*

*3. Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết;*

*4. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức;*

*5. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;*

*6. Công văn nhất trí cho phép xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh.*

*7. Bản chụp ý kiến góp ý.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên (để trình);- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);- Các PCT UBND tỉnh;- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;- Phó CVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, VX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Hoàng Nam** |